

Số: 331/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 17 tháng 3 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Lê T B H, sinh năm: 1990; Thường trú: Ấp Kinh Nhiễm, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: số 05.17 chung cư Lê Thành Tân Tạo, đường Hồ Văn Long, khu phố 2, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn V S, sinh năm: 1990; Thường trú: Ấp Bàu Mây, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: số 05.17 chung cư Lê Thành Tân Tạo, đường Hồ Văn Long, khu phố 2, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê T B H và ông Nguyễn V S thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2010, ngày 19/7/2010 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Lê T B H và ông Nguyễn V S không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Q H sinh ngày 09/10/2010, bà Lê T B H và ông Nguyễn V S cùng thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Q H cho bà Lê T B H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê T B H không yêu cầu ông Nguyễn V S cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Lê T B H và ông Nguyễn V S chịu. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí mà bà Lê T B H và ông Nguyễn V S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0033488 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê T B H và ông Nguyễn V S đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đào Tiên Trung